

B. BÀI TẬP

I. Phần trắc nghiệm.

Chọn câu trả lời đúng:

Câu 1 Trong phép tính $14 : 2 = 7$, 7 được gọi là:

- A. tích B. thừa số C. số bị chia D. thương

Câu 2 Trong phép tính $5 \times 3 = 15$, 5×3 được gọi là:

- A. tích B. thừa số C. số bị chia D. thương

Câu 3 20 là tích của hai số nào?

- A. 2 và 5 B. 5 và 8 C. 2 và 10 D. 5 và 6

Câu 4 9 là thương của hai số nào?

- A. 15 và 5 B. 45 và 5 C. 16 và 2 D. 12 và 2

Câu 5 Tích của 5 và số liền sau của số lớn nhất có một chữ số là:

- A. 35 B. 45 C. 50 D. 40

Câu 6 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

- A. 2×3 B. $14 : 2$ C. $40 : 5$ D. 5×2

Câu 7 Số?

- A. 30 B. 35
C. 40 D. 45

$$\boxed{?} : \boxed{5} = \boxed{14} : \boxed{2}$$

Câu 8 Bà có một số cái kẹo. Bà chia đều cho 6 cháu thì mỗi cháu được 5 cái kẹo. Vậy bà có số cái kẹo là:

- A. 30 cái kẹo B. 11 cái kẹo
C. 40 cái kẹo D. 25 cái kẹo



II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?

Phép chia	12 : 2	15 : 5	25 : 5	20 : 2	14 : 2	35 : 5	10 : 2	8 : 2
Số bị chia								
Số chia								
Thương								

Bài 2 Số?

$5 \times 3 =$

$5 \times 7 =$

$20 : 5 =$

$30 : 5 =$

$2 \times 4 =$

$5 \times 9 =$

$16 : 2 =$

$18 : 2 =$

Bài 3 Từ phép nhân đã cho, viết hai phép chia thích hợp:

$5 \times 4 = 20$

: =

: =

$2 \times 8 = 16$

: =

: =

Bài 4 Tính:

$5 \text{ kg} \times 3 =$

$5 \text{ dm} \times 5 =$

$40 \text{ l} : 5 =$

$2 \text{ cm} \times 2 =$

$14 \text{ kg} : 2 =$

$6 \text{ l} : 2 =$

Bài 5 Số?

$2 \times$ $= 16$

$5 \times$ $= 10$

$2 \times$ $= 20$

$5 \times$ $= 30$

A 3x3 grid of squares, intended for drawing a face. The grid is empty.



Bài 6

> ; < ; = ?

25 : 5

 $30 : 5$

50 : 5

 2×4

40 : 5

16 : 2

35 : 5

 $14 : 2$

20 : 2 

 5×3

15 : 5 

 $8 : 2$

Bài 7

Quan sát bức tranh rồi viết phép nhân, phép chia thích hợp:



1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20
21	22	23	24	25
26	27	28	29	30
31	32	33	34	35
36	37	38	39	40
41	42	43	44	45
46	47	48	49	50
51	52	53	54	55
56	57	58	59	60
61	62	63	64	65
66	67	68	69	70
71	72	73	74	75
76	77	78	79	80
81	82	83	84	85
86	87	88	89	90
91	92	93	94	95
96	97	98	99	100



Figure 1 consists of five identical, empty 10x10 grids arranged horizontally. Each grid is designed for data entry, with a header row and a header column. The header row contains the following labels: 'Date', 'Time', 'Location', 'Observer', and 'Species'. The header column contains the following labels: 'Date', 'Time', 'Location', 'Observer', and 'Species'. The remaining 9 rows and 9 columns are blank for data entry.

Bài 8

Gia đình An chỉ còn 20 kg gạo. Vì có đông người nên mỗi ngày cả nhà ăn hết 2 kg gạo. Hỏi số gạo trên đủ cho gia đình An dùng trong bao nhiêu ngày?

Phép tính:

Figure 1 consists of five subplots labeled (a) through (e), each showing the time evolution of a different variable. The x-axis for all plots is 'Time' ranging from 0 to 100. The y-axis for all plots ranges from 0.0 to 1.0. The variables are: (a) $S(t)$, (b) $E(t)$, (c) $I(t)$, (d) $R(t)$, and (e) $H(t)$. The plots show the dynamics of these variables over time, with $S(t)$ decreasing from 1.0 to 0.0, $E(t)$ peaking around 0.1, $I(t)$ peaking around 0.2, $R(t)$ increasing from 0.0 to 1.0, and $H(t)$ peaking around 0.1.

Trả lời:

[illegible]